

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/DS-PT

Ngày 22 – 3 - 2022

V/v: “Kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Đức, bà Đinh Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2022/DS - PT về việc: “Kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2021/DS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng nghị

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30 /2022/QĐ-PTDS ngày 22 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959, ông Trần Văn Tr, sinh năm 1956 (Đều vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tr: Bà Nguyễn Thị H; cùng địa chỉ: xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt) .

- Bị đơn: Ông Trần Quang H1, sinh năm 1958 và bà Phan Thị X, sinh năm 1963 (Đều vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Bà Phan Thị X; cùng địa chỉ: Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam; địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trường G – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch huyện C, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Km20, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Văng mặt).

+ Chi cục Thi hành án dân sự huyện C

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn D1 – Chức vụ: Chi cục trưởng. (Văng mặt).

- *Cơ quan kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2020, cũng như những lời khai tại Tòa án. nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn Tr trình bày:

Vào năm 2014, theo bản án số 18/2014/DSST ngày 23/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin và Quyết định đình chỉ số 02/2015/QĐ-PT ngày 07/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, vợ chồng ông H1 và bà X phải trả cho bà H số tiền 192.485.000 đồng. Ngày 20/10/2014, vợ chồng bà X có nhờ bà H vay giùm số tiền 300.000.000 đồng để trả vào Ngân hàng HDBank lấy bìa đỏ ra. Tổng cộng nợ cũ và nợ mới là 492.485.000 đồng.

Quá trình thi hành án bản án số 18/2014/DSST ngày 23/10/2014 do vợ chồng bà X không có tiền trả nên hai bên thỏa thuận vợ chồng bà X sẽ chuyển nhượng cho bà H thửa đất số 15215, tờ bản đồ số 68, tại xã E, huyện C diện tích 7.654m² và toàn bộ tài sản trên đất, giá trị chuyển nhượng là 450.000.000 đồng. Ngày 19/01/2015, các bên lập biên bản thỏa thuận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Tuy nhiên sau đó do vợ chồng bà X còn nợ nhiều người, nên hai bên thỏa thuận lại vợ chồng bà X chỉ nhờ bà H đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) sau đó ủy quyền lại cho vợ chồng bà X đi vay ngân hàng, khi vay được sẽ trả nợ cho bà H và các chủ nợ khác, đất và tài sản trên đất thì vợ chồng bà X vẫn quản lý, sử dụng, khi nào đến hạn ngân hàng thì vợ chồng bà X sẽ có trách nhiệm trả. Ngày 13/7/2015, bà H được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số BN 081224 đối với thửa đất 15215, tờ bản đồ số 68, diện tích được điều chỉnh lại là 6667,9m² mang tên Nguyễn Thị H. Nhưng do vợ chồng bà X có nợ xấu nên ngân hàng không cho vay, do vậy vợ chồng bà X nhờ bà H đứng ra vay giùm.

Ngày 21/7/2015, bà H ông Tr ký hợp đồng tín dụng vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ban Mê - PGD HB số tiền 650.000.000 đồng mang về nhà. Cùng ngày, bà H và ông Tr đã cho ông H1 và bà X vay toàn bộ số tiền này. Các bên lập giấy mượn tiền nhưng không đề ngày, giấy là do ông H1 bà X soạn sẵn và mang

đến, các nội dung còn trống do ông H1 ghi nên bà H không để ý việc ông H1 không ghi ngày tháng vay. Lãi suất thỏa thuận là theo lãi ngân hàng 9%/năm tính từ ngày 21/7/2015, thời hạn vay 11 tháng, Ông H1, bà X cùng ký xác nhận nội dung vay.

Sau khi nhận tiền vay, ông H1 và bà X đã trả cho bà H 192.485.000 đồng, việc nợ nần trước đây giữa các bên đã giải quyết xong nên nội dung này bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Số tiền còn dư thì ông H1 và bà X dùng vào việc gì thì bà H không biết.

Sau đó vào ngày 22/7/2015, tại nhà bà H, hai bên thanh toán tất cả những khoản tiền cho vợ chồng bà X còn nợ trước đó, trong đó có 192.485.000 đồng nợ cũ và số tiền bà H mượn giùm để trả ngân hàng cùng các khoản lãi suất, phí phát sinh tổng cộng là 552.880.000 đồng (cụ thể từng khoản tiền bà H không nhớ rõ). Tổng số tiền nợ này được trừ vào số tiền bà H vay ở Ngân hàng 650.000.000 đồng, hai bên có lập giấy “Giấy xác nhận đã trả hết tất cả các khoản nợ đề ngày 22/7/2015”, phần chữ viết “tôi đã đủ số tiền vợ chồng anh H1 - chị X trả cho tôi 552.880.000 đồng như đã ghi trên” và chữ ký Nguyễn Thị H đều do bà H ký và viết ra, tuy nhiên các nội dung sửa chữa, viết thêm và dòng ghi chú viết được viết thêm sau này chứ bà H không biết, thực tế bà H nhận số tiền 552.880.000 đồng là các bên đã thanh toán hết khoản nợ trước đó. Bà H không có yêu cầu giám định đối với chứng cứ này. Số tiền còn dư lại 97.120.000 đồng thì bà H đưa lại cho vợ chồng bà X, hai bên không lập giấy tờ việc giao nhận khoản tiền còn dư, việc nợ nần giữa các bên đã giải quyết xong nên nội dung này bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa, vì giữa bà H và vợ chồng bà X chỉ còn khoản vay 650.000.000 đồng, ngoài ra không còn khoản nợ khác.

Đối với chứng cứ bà X cung cấp là số tiền ghi nhận trong “Giấy xác nhận đã trả hết tất cả các khoản nợ đề ngày 22/7/2015” này không phải để thanh toán cho khoản nợ 650.000.000 đồng mà ông H1 bà X vay ngày 21/7/2015.

Quá trình từ năm 2015 đến năm 2016 ông H1, bà X có trả cho bà H 01 năm tiền lãi để bà H trả ngân hàng, sau đó bà H có đòi nhiều lần nhưng ông H1 và bà X không trả, bà H ông Tr phải tự đáo hạn và trả lãi cho Ngân hàng. Đến năm 2017, bà H ông Tr hết khả năng trả nợ cho ngân hàng, trong khi đó phía ông H1 và bà X không chịu trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện bà H, ông Tr vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết tại bản án số 125/2020/DS-PT ngày 07/7/2020. Tại bản án trên, bà H và ông Tr phải thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng, vào đầu tháng 11/2021 vợ chồng bà H đã tự nguyện thi hành bản án này và đã trả nợ xong cho Ngân hàng 820.000.000 đồng, (trong đó: tiền gốc 650.000.000 đồng và tiền lãi 170.000.000 đồng).

Vì vậy, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông H1 và bà X (bị đơn) phải trả số tiền gốc đã vay là 650.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất 9%/năm, từ ngày 22/7/2016

đến ngày 26/11/2021 là 05 năm 04 tháng 04 ngày là 312.650.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 962.650.000 đồng.

** Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Trần Quang H1 và bà Phan Thị X trình bày:*

Năm 2014 bà H cho ông H1 bà X vay mượn tiền, do không có khả năng trả nợ nên ông Tr, bà H khởi kiện ra Tòa án, tại bản án số 18/2014/DSST ngày 23/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin buộc ông H1 bà, Xuân phải trả cho bà H số tiền 192.485.000 đồng. Sau đó bà H tiếp tục tính lãi đối với số tiền trên là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tổng cộng 450.000.000 đồng.

Quá trình thỏa thuận thi hành án, do không có tiền nên ông H1 và bà X đồng ý chuyển nhượng thửa đất 15215 tờ bản đồ số 68, tại xã E, huyện C diện tích 6667,9m² và toàn bộ tài sản trên đất cho bà H với giá trị là 450.000.000 đồng. Các bên chấp nhận ký biên bản thỏa thuận thi hành án lập ngày 19/01/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Sau đó, ông H1 và bà X làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất trên cho bà H. Ngày 13/7/2015, bà H được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số BN 081224 đối với thửa đất 15215, tờ bản đồ số 68, diện tích 6667,9m² mang tên Nguyễn Thị H, các bên khấu trừ hết nợ chứ không thanh toán giá trị chênh lệch.

Sau đó, bà H có trao đổi lại với ông H1, bà X là không có nhu cầu sử dụng đất, nếu ông H1 và bà X muốn chuộc lại đất thì bà H sẽ chuyển nhượng lại với giá 650.000.000 đồng. Bà H sẽ ủy quyền lại cho ông H1, bà X thế chấp GCNQSDĐ để đi vay ngân hàng lấy tiền trả cho bà H, khi nào trả tiền thì các bên ra văn phòng công chứng, bà H sẽ trả lại đất cho ông H1, bà X. Vì cũng có nhu cầu muốn chuộc lại đất nên ông H1, bà X đồng ý.

Do có nợ xấu nên ngân hàng không cho ông H1, bà X vay nên các bên thỏa thuận lại là bà H sẽ đứng ra vay giúp cho ông H1, bà X số tiền 650.000.000 đồng, ông H1 và bà X có trách nhiệm thanh toán lại các khoản nợ trước đó cho bà H và phải trả trước 11 tháng tiền lãi ngân hàng. Khi nào đến hạn bà H sẽ trả nợ ngân hàng và lấy bìa về sang tên quyền sử dụng đất thửa 15215 cho ông H1, bà X. Nội dung này các bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau chứ không lập văn bản gì.

Sau khi thống nhất việc ông Tr, bà H sẽ đứng ra vay Ngân hàng giúp cho ông H1, bà X số tiền 650.000.000 đồng để trả nợ cho bà H trước đó (bằng với giá trị mà bà H chuyển nhượng lại thửa đất 15215 tờ bản đồ số 68 tại xã E, huyện C cho ông H1, bà X) nên ngày 22/7/2015, bà X và ông H1 đến nhà bà H để các bên tính toán tiền nợ với nhau.

Tổng số tiền ông H1, bà X nợ ông Tr bà H là: 192.485.000 đồng theo Bản án 18/2014/DSST ngày 23/10/2014; 14.782.000 đồng tiền lãi của khoản nợ 192.485.000 đồng; 210.000.000 đồng tiền chuộc bìa đỏ; 20.726.700 đồng tiền lãi của khoản nợ 210.000.000 đồng (trong giấy ghi nhầm là 207.267.000 đồng); 13.141.000 đồng khoản nợ khác; 53.625.000 đồng tiền lãi 11 tháng trả cho Ngân hàng khoản vay 650.000.000 đồng bà H yêu cầu trả trước. Tổng cộng là 504.759.700 đồng. Con số này có khác với trong giấy các bên lập, do thời gian đã lâu nên bà X không nhớ rõ hết các khoản nợ, nhưng chốt lại là số tiền bà H ký nhận bên dưới 552.880.000 đồng.

Tổng cộng các khoản nợ ông H1, bà X phải trả cho bà H là 552.880.000 đồng. Hai bên lập “Giấy xác nhận đã trả hết tất cả khoản nợ và bà H ký xác nhận đã trả tiền”. Như vậy việc nợ nần giữa hai bên đã được giải quyết xong. Ngay sau đó bà H đưa cho ông H1 và bà X 01 giấy mượn tiền không đề ngày, có nội dung đánh máy sẵn và nói ông H1 bà X ghi theo yêu cầu của bà H, nội dung là nhờ ông bà H Trứ vay ngân hàng số tiền 650.000.000 đồng để trả lại tiền nợ trước đây, ông H1 bà X có trách nhiệm trả gốc và lãi cho Ngân hàng. Toàn bộ chữ viết tay trong giấy mượn tiền trên và chữ ký đứng tên Trần Quang H1 đều do ông H1 ký và viết ra, chữ ký đứng tên Phan Thị X là do bà X ký.

Sau đó ông H1 bà X vẫn tiếp tục đưa tiền lãi cho bà H để trả ngân hàng, hết hạn bà H lại đáo hạn mà không sang tên cho ông H1 bà X trong khi ông H1 bà X đã ký giấy nhận nợ nên 03 tháng cuối năm 2017 ông H1 bà X không trả lãi nữa. Giấy tờ trả lãi các bên không lập nên ông bà không có cung cấp cho Tòa án.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông H1 bà X trả số tiền gốc 650.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật thì ông H1 bà X không đồng ý vì số tiền nợ ông bà đã giải quyết xong ngày 22/7/2015, còn giấy mượn tiền 650.000.000 đồng lập ngày 22/7/2015 không đề ngày thì ông bà không được nhận tiền, cũng không sử dụng, mà là đề vợ chồng bà có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, thực tế các bên không có việc giao nhận tiền, nên không có giá trị pháp lý. Bà H không sang tên lại thửa đất 15215 cho ông H1 bà X như cam kết, mà nay đã được kê biên để thi hành án cho ngân hàng do bà H vi phạm hợp đồng tín dụng. Giấy mượn tiền không đề ngày tháng năm cho vay mà bà H cung cấp cho Tòa án.

Đối với các nội dung liên quan đến tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam với ông Tr bà H và việc xử lý tài sản thế chấp là thửa đất 15215 đã được Tòa án giải quyết nên ông H1 bà X không có ý kiến gì.

Bà X từ chối việc nhờ trợ giúp pháp lý, đề nghị Tòa án xem xét miễn án phí nếu bị đơn phải chịu.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam. Người đại diện theo ủy quyền ông Lê Trường G - Giám đốc phòng giao dịch Cư Kuin trình bày:

Từ ngày 21/07/2015 đến ngày 28/4/2016 bà Nguyễn Thị H ông Trần Văn Tr thế chấp thửa đất số 15215, tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, đã được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số BN 081224 ngày 13/7/2015 cho bà Nguyễn Thị H để vay vốn của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ban Mê - Phòng giao dịch Hòa Bình (sau đây gọi là Ngân hàng) theo Hợp đồng tín dụng số 2090008805257/HĐTD ngày 21/7/2015, bà H và ông Tr vay 650.000.000 đồng, để đầu tư làm ăn và đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đầy đủ khi đến hạn thanh toán.

Sau khi tất toán xong các khoản nợ thì vào ngày 17/03/2017, bà H và ông Tr ký hợp đồng tín dụng số 01/2017/7678879/HĐTD vay của Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng, mục đích để chăm sóc Tiêu, trồng mới Tiêu và chăn nuôi bò thịt, thời hạn vay là 11 tháng từ ngày 17/03/2017 đến 21/02/2018, lãi suất áp dụng cố định 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Khoản vay nói trên được đảm bảo bởi Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2016/7678879/HĐTC ngày 27/04/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: 01/2017/7678879/SDBS ngày 06/12/2017 ký kết giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn Tr với Ngân hàng, cụ thể: Thửa đất số 15215 và thửa đất số 16348 đều tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho khách hàng vay số tiền nêu trên. Đến ngày 04/12/2017 bên vay đã trả được cho Ngân hàng 250.000.000 đồng tiền gốc, 52.504.110 đồng tiền lãi và được Ngân hàng đồng ý cho rút một phần tài sản thế chấp là thửa đất số 16348.

Tuy nhiên, sau thời điểm đó bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng khi đến hạn thanh toán, mặc dù phía Ngân hàng đã áp dụng nhiều biện pháp nhưng vẫn không thu hồi được nợ. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và ông Tr phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 19/02/2020 là 870.900.000 đồng (trong đó tiền gốc 650.000.000 đồng; tiền lãi 220.900.000 đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ ngày 20/02/2020 đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7678879/HĐTD ngày 17/3/2017. Trong trường hợp bà H và ông Tr không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu nợ cho Ngân hàng.

Theo quyết định của Bản án số 125/2020/DS-PT ngày 07/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên:

- Buộc ông Trần Văn Tr và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ban Mê – Phòng

giao dịch H B số tiền tính đến ngày 19/02/2020 là 870.900.000 đồng (trong đó tiền gốc 650.000.000 đồng; tiền lãi 220.900.000 đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc tính từ ngày 20/02/2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7678879/HĐTD ngày 17/3/2017.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Nguyễn Thị H: Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 100m², trong thửa đất số 15215, tờ bản đồ Số 68 tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, được ký kết ngày 03/11/2016 giữa bà Nguyễn Thị H với vợ chồng ông Trần Quang H1 và bà Phan Thị X là vô hiệu.

- Buộc ông Trần Quang H1 và bà Phan Thị X có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị H 100m² đất và tài sản gắn liền với đất, gồm có: một căn nhà tình nghĩa cấp IV diện tích 48,46m², một nhà tạm và công trình phụ gồm nhà bếp + nhà vệ sinh có tổng diện tích là 54.63m², hai bồn nước cùng hai khung sắt làm giá đỡ, thuộc thửa đất số 15215, tờ bản đồ số 68, tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Quang H1 và bà Phan Thị X số tiền 235.210.000 đồng.

Đến nay vào đầu tháng 11/2021 vợ chồng bà H đã trả nợ xong cho Ngân hàng 820.000.000 đồng (trong đó: tiền gốc 650.000.000 đồng và tiền lãi 170.000.000 đồng). Ngân hàng đã trả lại những giấy tờ thế chấp quyền sử dụng đất cho bà H.

Còn về việc vợ chồng bà H, ông Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông H1, bà X phải trả số tiền vay gốc ngày 21/7/2015 là 650.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật, thì Ngân hàng không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, người đại diện theo pháp luật ông Trần Văn D1 trình bày:

Ngày 22/4/2021, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (viết tắt là Chi cục Thi hành án) nhận được đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, nội dung yêu cầu thi hành Bản án số: 125/2020/DS-PT ngày 07/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Bản án số: 01/2020/DS-ST ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đối với bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn Tr, địa chỉ: xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Theo các bản án trên, buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam tại Phòng giao dịch H B - Chi nhánh Ban Mê tiền nợ gốc 650.000.000 đồng, tiền lãi suất 220.900.000 đồng tính đến ngày 19/02/2020; Tổng cộng 870.900.000 đồng và lãi suất phát sinh trên số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/7678879/HĐTD ngày 17/3/2017, tính từ ngày 20/02/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc nêu trên.

Trường hợp bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn Tr không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/7678879/HĐTC ngày 27/4/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2017/7678879/SĐBS ngày 06/12/2017 gồm, thửa đất số 15215, tờ bản đồ số 68, diện tích 6667,9m² và các tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 081224 do UBND huyện C cấp ngày 13/7/2015 cho bà Nguyễn Thị H.

Tại bản án sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476, 478 và Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận Hợp đồng vay tài sản, được xác lập giữa vợ chồng ông Trần Văn Tr và bà Nguyễn Thị H với vợ chồng ông Trần Quang H1 và bà Nguyễn Thị X theo giấy mượn tiền lập ngày 21/7/2015

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Trần Văn Tr và bà Nguyễn Thị H về việc:

Buộc vợ chồng ông H1, bà X phải trả số tiền vay 650.000.000 đồng và tiền lãi là 312.650.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 962.650.000 đồng, theo giấy mượn tiền ngày 21/7/2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/12/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, giải quyết vụ án chưa triệt để, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đã có đơn xin rút toàn bộ nội dung

đơn khởi kiện, bị đơn đã có văn bản đồng ý với việc rút toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đã có đơn xin rút toàn bộ đơn khởi kiện vì lý do các bên đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, bị đơn đã có văn bản đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk làm đúng hạn luật định. Các đương sự không kháng cáo nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án áp dụng khoản 3 Điều 296 BLTTDS tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đã có đơn xin rút toàn bộ đơn khởi kiện vì lý do các bên đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, bị đơn đã có văn bản đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không cần thiết phải xem xét Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk mà áp dụng Điều 299 và Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự để hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại vụ án theo thủ tục do Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Văn Tr và bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 4 Điều 308, Điều 299 và Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2021/DS-ST ngày 26/11/2021 về “Kiện đòi tài sản” của Tòa án nhân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk và đình chỉ giải quyết vụ án.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại vụ án theo thủ tục do Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định.

[2]. Về án phí:

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Văn Tr và bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THA dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Văn Công Dân

